TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆNKIM BẢNG
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2024/HS-ST
Ngày 24-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Nguyễn Đức Thạo.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
1. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.
2. Bà Vũ Thị Tình.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Vũ Thị Thu Hiền - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà:*** Ông Phạm Ngọc Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 109/2023/TLST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2023/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 11 năm 2023 và Thông báo mở lại phiên tòa số 02/TB-TA ngày 12 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Trần Quý D, sinh năm 1978 tại tỉnh Hà Nam; nơi cư trú: Thôn T, xã S, huyện K, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quý P và bà Trần Thị V; có vợ là Bùi Thị B và có 02 con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 14/01/2004 bị Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xử phạt 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "*Cưỡng đoạt tài sản*"; ngày 21/3/2011 bị Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội "*Cướp tài sản*" (đều đã được xóa án tích); bị bắt tạm giam từ ngày 10/7/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam; có mặt tại phiên toà.

2. Trần Thế T, sinh năm 1995 tại tỉnh Hà Nam; nơi cư trú: Thôn A, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Thế C và bà Nguyễn Thị H; có vợ là Bạch Thị V và có 02 con, lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 28/6/2013 bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "*Cố ý gây thương tích*" (đã được xóa án tích); bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên toà.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn L, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn L, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn Th, sinh năm 1992, nơi cư trú: Thôn L, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam có em trai là Nguyễn Văn H, sinh năm 1998 bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quyết định số: 15/2018/QĐ-TA ngày 16/10/2018 của Toà án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Do H bỏ trốn khỏi địa phương, ngày 18/02/2022 Công an huyện Kim Bảng mới thi hành được quyết định đưa H vào Trung tâm Điều trị nghiện ma túy và Phục hồi chức năng tâm thần tỉnh Hà Nam ở thị trấn Ba Sao, huyện Kim Bảng để thi hành. Khoảng cuối tháng 02/2022 Nguyễn Văn S, sinh năm 1995, nơi cư trú: Thôn L, xã Đ, huyện K (là em họ Th) đến nhà Th chơi. Qua việc nói chuyện về H, S nói với Th "Anh có chạy cho H ra khỏi trung tâm cai nghiện không", thì Th nói "Anh không biết đâu mà hỏi, mày biết hỏi hộ anh", thấy vậy S nói:"Để em hỏi anh T, anh vợ em xem". S gọi điện cho anh vợ là Trần Thế T, sinh năm 1995, nơi cư trú: Thôn A, xã N, huyện K nói "Anh ơi, xem có chỗ nào chạy ra khỏi trung tâm cai nghiện không", T trả lời "Anh không biết để anh hỏi hộ". Trần Thế T gọi điện cho Trần Quý D, sinh năm 1978, chỗ ở: Thôn T, xã S, huyện K. T hỏi D "anh xem có chỗ nào chạy ra khỏi trại cai nghiện không", D trả lời "để anh hỏi". Khoảng 02 ngày sau, D điện lại cho T nói "có cửa đấy, khoảng vài chục", thực tế D không liên hệ, không nhờ ai, thấy vậy T hỏi: "Khoảng mấy chục", D bảo: "Tầm 60.000.000 đồng", T hỏi: "Thế là xong hết à", D trả lời "Ừ, cảm ơn sau thì cảm ơn thôi". Sau đó, T gọi điện cho S nói "có cửa đấy, hết

khoảng bảy mươi triệu, cảm ơn 5.000.000 đồng", S trả lời "vâng, để em bảo người nhà", rồi S nói với Th về việc T liên hệ xin cho H tại ngoại về nhà được, chi phí hết 75.000.000 đồng, Th đồng ý. Tối ngày 24/02/2022, S dẫn Th đến nhà T nói chuyện về việc chạy cho H ra khỏi trung tâm cai nghiện. T nói với Th "chạy hết bảy mươi triệu, năm triệu tiền quà, tôi đứng ra nhờ hộ thôi", Th hỏi lại "không chạy được có lấy lại được tiền không", T trả lời "lấy lại được, khoảng hơn chục ngày là ra". Th đồng ý, đồng thời đưa cho T số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) tiền mặt và chuyển vào số tài khoản 0988882163 ngân hàng Quân đội (MB Bank) của T số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng). Sau khi nhận được tiền của Th, T gọi điện cho D nói "người nhà chuyển tiền rồi", D bảo T "chuyển vào tài khoản cho anh". T chuyển vào số tài khoản 1070197899999 ngân hàng Quân đội (MB Bank) của D số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng), T giữ lại số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng). Sau khi nhận tiền T chuyển, D không liên hệ với ai để chạy cho H ra khỏi trung tâm cai nghiện. Khoảng 10 ngày sau, T gọi điện thoại cho D hỏi về việc chạy cho H ra khỏi Trung tâm cai nghiện, D nói: "Đang căng chưa ra được, đợi mấy ngày nữa, bảo gia đình làm sẵn cái đơn" và bảo T xuống nhà D lấy mẫu đơn. Ngày 20/3/2022, T hẹn Th sang nhà T lấy mẫu đơn về viết xong thì đưa lại cho T và bảo Th khoảng 03 tháng sau H sẽ được ra. Khoảng 02 tháng thấy H chưa được về, T gọi điện cho D để hỏi việc của H, D nói "cứ từ từ". Đến ngày 16/5/2022 D bảo T chuyển cho D 3.000.000 đồng để làm quà, T đã chuyển vào số tài khoản 1070197899999 ngân hàng Quân đội (MB Bank) của D số tiền 3.000.000 đồng. Tổng cộng 2 lần là 63.000.000 đồng. Sau ba tháng chưa thấy H được về, Th xác định T không chạy được cho em trai nên liên hệ với T để đòi lại số tiền đã đưa và chuyển khoản cho T. T hẹn Th đòi được của D sẽ trả Th. Sau nhiều lần đòi T tiền nhưng không được, đến ngày 16/5/2023 Th đã trao đổi với Nguyễn Văn S về việc không đòi được tiền đã đưa cho T thì cả hai thống nhất làm đơn và cùng đến Công an xã Nhật Tân, huyện Kim Bảng trình báo sự việc, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngày 17/5/2023, sau khi biết Th làm đơn trình báo, T tự trả lại cho Th số tiền 75.000.000 đồng. Đến ngày 24/5/2023 D nhờ vợ là chị Bùi Thị B, sinh năm 1986 liên hệ và chuyển khoản trả lại cho Trần Thế T số tiền 63.000.000 đồng qua số tài khoản 0988882163 ngân hàng Quân đội (MB Bank) của T.

Tại bản Cáo trạng số 107/CT-VKS-KB ngày 02/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đã truy tố bị cáo Trần Quý D về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự và truy tố bị cáo Trần Thế T về tội "*Môi giới hối lộ*" theo điểm a khoản 1 Điều 365 Bộ luật Hình sự. Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng vẫn giữ

nguyên quan điểm truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo D từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 365; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo T từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm. Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét. Về xử lý vật chứng: Đề nghị buộc anh Nguyễn Văn Th phải nộp số tiền 75.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Quý D, Trần Thế T đều khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đã truy tố và nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên, các bị cáo đều xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, bị cáo T xin được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định đó. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời nhận tội của các bị cáo Trần Quý D, Trần Thế T tại phiên toà hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà cơ quan điều tra đã thu thập.

Hội đồng xét xử thấy đã có đủ căn cứ để xác định: Khoảng cuối tháng 02/2022, thông qua việc giới thiệu của Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn Th nhờ Trần Thế T chạy cho Nguyễn Văn H là em của Th được về cai nghiện tại nhà. T đã liên hệ với Trần Quý D để nhờ D chạy cho H. Sau khi T thỏa thuận với D về số tiền chạy cho H, ngày 24/02/2022 tại nhà ở của Trần Thế T, Trần Thế T đã nhận của Th số tiền 75.000.000 đồng rồi T chuyển khoản vào tài khoản của Trần Quý D hai lần tổng cộng là 63.000.000 đồng, còn T giữ lại 12.000.000 đồng để hưởng lợi. Kể từ khi nhận lời T đến khi nhận được số tiền 63.000.000 đồng do Trần Thế T chuyển khoản để chạy cho H, Trần Quý D không liên hệ với ai để

chạy cho H ra khỏi Trung tâm cai nghiện mà rút tiền về cất đi. Đến ngày 17/5/2023 và ngày 24/5/2023 khi biết Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn S làm đơn tố cáo gửi đến Cơ quan Công an, thì Trần Thế T mới trả cho Th số tiền 75.000.000 đồng, Trần Quý D nhờ vợ là chị Bùi Thị B trả lại cho Trần Thế T số tiền 63.000.000 đồng.

Tính chất, mức độ tội phạm các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của bị cáo Trần Quý D đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, làm mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Hành vi của bị cáo Trần Thế T đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức; làm cho cơ quan, tổ chức bị suy yếu, mất uy tín, mất lòng tin của nhân dân vào chế độ.

Do vậy, hành vi của bị cáo Trần Quý D đã phạm vào tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự; hành vi của bị cáo Trần Thế T đã phạm vào tội "*Môi giới hối lộ*" được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 365 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Về nhân thân: Cả hai bị cáo đều có nhân thân xấu, trong đó bị cáo Dũng đã 02 lần bị kết án, bị cáo Tuấn đã 01 lần bị kết án.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng: Cả hai bị cáo đều không phải chịu tình tiết nào.

[3.3] Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội các bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả do mình gây ra; quá trình điều tra và tại phiên toà đều khai báo thành khẩn, có thái độ ăn năn hối cải, vì vậy cả hai bị cáo đều được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo D đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, bố đẻ bị cáo là Thương binh và được tặng Huân chương Kháng chiến; bị cáo T có ông nội được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam tặng Bằng khen, có bà ngoại được tặng Huy chương Kháng chiến, vì vậy D và T được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt:

[4.1] Hình phạt chính: Từ những phân tích nêu trên, căn cứ vào tính chất, mức độ tội phạm các bị cáo đã thực hiện và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bị cáo D là người có nhân thân xấu, đã 02 lần bị kết án đều về tội chiếm đoạt tài sản, thực hiện hành vi phạm tội với tính chất nghiêm trọng, vì vậy cần phải cách li ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Trần Thế T mặc dù trước đây đã một lần bị kết án về tội "*Cố ý gây thương tích*", song đến thời điểm phạm tội lần này bị cáo đã được xóa án tích, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng. Theo hướng dẫn của Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo thì T có đủ điều kiện được hưởng án treo. Vì vậy, thấy không cần thiết phải cách li T ra khỏi đời sống xã hội, chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho được hưởng án treo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương nơi cư trú cũng đủ giúp bị cáo tự cải tạo mà không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, đồng thời cũng thể hiện tính nhân đạo và sự khoan hồng của pháp luật.

[4.2] Hình phạt bổ sung: Xét thấy cả hai bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn, do đó miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 75.000.000 đồng là tiền anh Nguyễn Văn Th dùng vào việc thực hiện tội phạm, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kim Bảng đã yêu cầu anh Th giao nộp nhưng đến nay anh Th chưa giao nộp, nay cần buộc anh Th phải nộp số tiền này để sung vào ngân sách Nhà nước.

[6] Về các vấn đề khác: Đối với Nguyễn Văn S và Nguyễn Văn Th: S là người khởi xướng về việc chạy cho Nguyễn Văn H ra khỏi Trung tâm cai nghiện và S trực tiếp liên hệ với Trần Thế T để nhờ T tìm mối chạy cho H ra khỏi Trung tâm cai nghiện. Tuy nhiên, S không nhận tiền từ Th, mà chỉ dẫn Th đến nhà T để Th nói chuyện và giao tiền cho T, S không có mục đích và không được hưởng lợi gì trong việc này. Khi biết không chạy được cho H ra khỏi Trung tâm cai nghiện, Th đã yêu cầu T trả lại số tiền đã đưa cho T nhưng không được. Sau đó Th và S chủ động đến Công an xã Nhật Tân trình báo, tự giác khai báo với cơ quan Công an trước khi bị phát giác. Căn cứ vào khoản 7 Điều 364 và khoản 6 Điều 365 Bộ luật Hình sự, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kim Bảng và Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng thống nhất quan điểm không xử lý trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Văn S và Nguyễn Văn Th nhằm thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Quý Dũng. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 365; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Thế Tuấn. Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án:

1. Về hình sự: Tuyên bố bị cáo Trần Quý D phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*". Tuyên bố bị cáo Trần Thế T phạm tội "*Môi giới hối lộ*".

- Xử phạt bị cáo Trần Quý D 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 10/7/2023.

- Xử phạt bị cáo Trần Thế T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách 03 (ba) năm, kể từ ngày tuyên án 24/01/2024.

Giao bị cáo Trần Thế T cho Uỷ ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Buộc anh Nguyễn Văn Th phải nộp số tiền 75.000.000đ (bảy mươi lăm triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Về án phí: Buộc các bị cáo Trần Quý D, Trần Thế T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi; hoặc trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong hoặc ngoài hợp đồng khác mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải

thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Trại tạm giam CA tỉnh Hà Nam;
- Công an huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS huyện Kim Bảng;
- UBND xã N;
- Các bị cáo;
- Người có QL,NVLQ;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Thạo